

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 336/2023/HS-ST

Ngày: 21/11/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Quỳnh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Lành và bà Nguyễn Thị Kim Thu.

Thư ký phiên tòa: Bà Vi Phương Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm, thụ lý số 315/2023/TLST-HS ngày 24 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 326/2023/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Đăng G - Sinh ngày 23 tháng 11 năm 1991 tại tỉnh Thái Nguyên. Nơi ĐKKHKT: tổ F, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Nơi ở: tổ I, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Việt H và bà Thuận Thị Phi N; Vợ: Chưa có; Có 01 con, sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/6/2023 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ công an thành phố T. (có mặt)

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

Anh Đinh Đức H1, sinh năm 1993 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: tổ E, phường G, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

*** Người làm chứng:**

1. Chị Trần Thị Vân A, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Trú tại: TDP T, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

2. Anh Trần Duy B, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Trú tại: TDP T, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

3. Anh Dương Văn C, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Trú tại: tổ A, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

4. Chị Lê Thị Tuyết T, sinh năm 2001 (vắng mặt)

Trú tại: TDP Đ, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

** Người chứng kiến:*

Ông Hà Quốc C1, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Trú tại: tổ I, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 01 giờ 10 phút ngày 15/6/2023, tổ công tác của Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố T nhận được tin báo của quần chúng nhân dân tại nhà 4 tầng trong ngõ dân sinh cạnh Khách sạn G1 thuộc tổ I, phường T, thành phố T có nhiều nam nữ thanh niên tụ tập có biểu hiện nghi vấn liên quan đến ma túy. Tổ công tác đã đến căn nhà trên, quá trình kiểm tra phát hiện tại phòng ngủ tầng 3 có 05 nam, nữ thanh niên, gồm: Nguyễn Đăng G, Dương Văn C (sinh năm: 1995, trú tại: Tổ A, phường P, thành phố T), Trần Duy B (sinh năm: 1995, trú tại: tổ dân phố T, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên), Lê Thị Tuyết T (sinh năm 2001, trú tại: tổ dân phố Đ, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên) và Trần Thị Vân A (sinh năm 1991, trú tại: tổ dân phố T, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên). Qua kiểm tra, Nguyễn Đăng G tự giác đi xuống tầng 2, cầm lên từ bàn uống nước 01 túi nilon màu trắng bên trong chứa chất tinh thể màu trắng giao nộp cho tổ công tác (niêm phong ký hiệu G). G khai nhận là ma túy “Ke” của G. Kiểm tra những người còn lại không phát hiện thu giữ gì liên quan đến ma túy. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Nguyễn Đăng G và thu giữ vật chứng theo quy định. Ngoài ra, tổ công tác còn tạm giữ của G 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng, đã qua sử dụng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, đã qua sử dụng; thu giữ tại kệ gỗ cạnh giường ngủ tầng 3 có 01 ống hút cuộn bằng tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng có bám dính chất bột màu trắng (niêm phong ký hiệu A); 02 túi nilon màu trắng bám dính chất bột màu trắng (niêm phong ký hiệu B); 01 thẻ nhựa màu xanh có bám dính chất bột màu trắng (niêm phong ký hiệu C) gửi giám định; 01 loa màu đen, 01 đèn màu đen.

Hồi 03 giờ ngày 15/6/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Đăng G tại tổ I, phường T, thành phố T, kết quả: Không phát hiện thu giữ gì.

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T tiến hành mở niêm phong cân xác định khối lượng: Chất tinh thể màu trắng trong bì niêm phong ký hiệu G có khối lượng 1,187 gam (niêm phong ký hiệu G1 gửi giám định).

Tại bản Kết luận giám định số 833/KL-KTHS ngày 23/6/2023 của Phòng K Công an tỉnh T, kết luận:

+ Mẫu chất bột màu trắng bám dính trên tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng trong niêm phong ký hiệu A là chất ma túy, loại Ketamine. Do chất ma túy Ketamine bám dính trên tờ tiền gửi giám định ở dạng vi vết, bám dính lượng ma túy rất nhỏ nên dưới giới hạn định lượng của phương pháp phân tích. Vì vậy, không xác định được khối lượng Ketamine có bám dính trên tờ tiền gửi giám định.

+ Mẫu chất bột màu trắng bám dính trên 02 túi nilon màu trắng trong niêm phong ký hiệu B là chất ma túy, loại Ketamine. Do chất ma túy Ketamine bám dính trên túi nilon gửi giám định ở dạng vi vết, bám dính lượng ma túy rất nhỏ nên dưới giới hạn định lượng của phương pháp phân tích. Vì vậy, không xác định được khối lượng Ketamine có bám dính trên tờ tiền gửi giám định.

+ Mẫu chất bột màu trắng bám dính trên thẻ nhựa màu xanh trong niêm phong ký hiệu C là chất ma túy, loại Ketamine. Do chất ma túy Ketamine bám dính trên thẻ nhựa màu xanh gửi giám định ở dạng vi vết, bám dính lượng ma túy rất nhỏ nên dưới giới hạn định lượng của phương pháp phân tích. Vì vậy, không xác định được khối lượng Ketamine có bám dính trên tờ tiền gửi giám định.

+ Chất tinh thể màu trắng trong phong bì niêm phong ký hiệu G1 gửi giám định là chất ma túy, loại Ketamine, có khối lượng thu giữ ban đầu là 1,187 gam.

Tiến hành xét nghiệm chất ma túy xác định: Nguyễn Đăng G, Lê Thị Tuyết T, Dương Văn C, Trần Duy B, Trần Thị Vân A đều dương tính với chất ma túy MDMA, MET.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Đăng G, Lê Thị Tuyết T, Dương Văn C, Trần Duy B, Trần Thị Vân A khai nhận: Tháng 5 năm 2023, Nguyễn Đăng G thuê căn nhà 4 tầng tại tổ I, phường T, thành phố T của anh Đinh Đức H1 (sinh năm 1993, HKTT: tổ E, phường G, thành phố T) với giá 6.000.000 đồng/tháng. Sau đó, Trần Thị Vân A (sinh năm 1991, HKTT: tổ dân phố T, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, là người yêu của G) đến ở cùng tại căn nhà trên. Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 14/6/2023, khi G đang ở cùng Vân A và Trần Duy B (sinh năm 1995, là em ruột của Vân A) ở tại ngôi nhà trên thì G rủ B mua ma túy “keo” về để mọi người cùng sử dụng, B đồng ý. Sau đó, G dùng điện thoại của G gọi cho một người đàn ông tên T1 (không rõ lai lịch, địa chỉ)

hỏi mua của người này 04 viên ma túy “keo” với giá 1.600.000 đồng nhưng G chưa trả tiền cho T1. Lúc này, có Lê Thị Tuyết T (sinh năm 2001, HKTT: xóm Đ, xã H, huyện Đ) là người yêu của B đến do B nhắn tin rủ T qua để nhận quà và Dương Văn C (sinh năm 1995, HKTT: tổ A, phường P, thành phố T) là bạn của B đến chơi. Khoảng 20 phút sau có 01 nam thanh niên (không rõ lai lịch, địa chỉ) đến và gọi cho G qua ứng dụng Zalo để lấy ma túy. Sau đó, G xuống tầng 1, mở cửa sổ ra để nam thanh niên này đưa 01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long màu vàng, bên trong có 01 túi nilon màu trắng chứa 04 viên ma túy “keo” màu xanh. Sau khi lấy được ma túy, G mang lên tầng 2, tự lấy 01 viên ma túy keo và sử dụng hết bằng hình thức nuốt, sau đó để túi nilon chứa 03 viên ma túy keo còn lại để trên mặt bàn cho Vân A, B, C, T tự lấy sử dụng. Sau đó, B lấy 01 viên ma túy keo và bẻ đôi, B tự sử dụng một nửa còn một nửa Bách đặt xuống mặt bàn, T tự cầm lấy nửa còn lại và sử dụng hết bằng hình thức nuốt. Còn Vân A và C mỗi người tự lấy và sử dụng hết 01 viên ma túy “keo” còn lại. Sau đó, G, B và T lên tầng 3 rồi cùng nhau nghe nhạc, Vân A dọn dẹp và đổ rác trên bàn rồi lên sau, C đi sau Vân A. Đến khoảng 23 giờ 45 phút cùng ngày thì nam thanh niên tên T1 gọi hỏi G có mua ma túy “ke” không, G đồng ý và mua thêm của T1 1.600.000 đồng ma túy “ke” nhưng chưa trả tiền cho T1, mục đích để sử dụng cho bản thân vào ngày khác. Khoảng 15 phút sau, nam thanh niên vừa mang ma túy “keo” cho G trước đó đến mang 01 túi nilon màu trắng bên trong chứa ma túy “ke” đến cho G, G cầm lấy gói ma túy “ke” và mang lên tầng 2 để trên mặt bàn, chưa sử dụng rồi lên tầng 3 tiếp tục nghe nhạc. Đến khoảng 01 giờ 30 phút ngày 15/6/2023 khi tất cả đang nghe nhạc thì bị tổ công tác của Công an thành phố T, bắt quả tang và thu giữ toàn bộ vật chứng như nêu trên.

Lời khai nhận của Nguyễn Đăng G phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản sự việc, biên bản khám xét, lời khai của những người chứng kiến, lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng của vụ án:

- 05 (năm) bì niêm phong kí hiệu A, B, C, G1, G2;
- 01 (một) bì niêm phong kí hiệu Đ bên trong chứa 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng, số IMEI: 355375085937859, đã qua sử dụng;
- 01 (một) bì niêm phong kí hiệu Đ1 bên trong chứa 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, số IMEI: 351949052955153, đã qua sử dụng;
- 01 (một) loa màu đen và 01 (một) đèn màu đen, đã qua sử dụng.

Hiện đang được lưu giữ, bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên chờ xử lý.

Tại cáo trạng số 320/CT-VKSTPTN, ngày 24/10/2023 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Nguyễn Đăng G về tội “Tổ

chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm g khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Phân luận tội tại phiên tòa hôm nay, sau khi phân tích, đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Đăng G phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 55 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 07 năm đến 07 năm 03 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và từ 12 tháng đến 15 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: Mẫu ma túy hoàn sau giám định, vỏ bao gói mẫu ban đầu, 01 thẻ nhựa màu xanh đựng trong các bì niêm phong ký hiệu B, C, G1, G2.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 ống hút được cuốn bằng tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng đựng trong bì niêm phong ký hiệu A; 01 loa màu đen; 01 đèn màu đen; 01 điện thoại di động Nokia màu đen, 01 điện thoại di động Iphone màu trắng.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Bị cáo không tranh luận gì, chỉ xin Hội đồng xét xử cho bị cáo mức án thấp nhất để bị cáo sớm trở về gia đình, xã hội trong lời nói sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Quá trình khởi tố vụ án, điều tra, truy tố và xét xử, điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đảm bảo hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2]. Căn cứ lời khai của bị cáo tại phiên tòa, lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, kết luận giám định, lời khai của người làm chứng, người chứng kiến, kết luận giám định, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp lệ trong hồ sơ

vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 14/6/2023, tại tổ I, phường T, thành phố T, Nguyễn Đăng G có hành vi sử dụng ngôi nhà do mình quản lý và cung cấp chất ma túy, loại MDMA để tổ chức cho Lê Thị Tuyết T, Dương Văn C, Trần Duy B và Trần Thị Vân A sử dụng trái phép bằng hình thức nuốt. Đến 01 giờ 30 phút ngày 15/6/2023, khi Nguyễn Đăng G và các đối tượng trên đã sử dụng ma túy xong và đang nằm nghe nhạc thì bị tổ công tác của Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố T kiểm tra phát hiện. Ngoài hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy thì Nguyễn Đăng G còn có hành vi tàng trữ 1,187 gam chất ma túy, loại Ketamine, mục đích để sử dụng cho bản thân vào lần sau. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ toàn bộ vật chứng.

Với hành vi trên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo Nguyễn Đăng G về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm g khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Điều 255 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

.....

b) Đối với 02 người trở lên”.

Điều 249 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) ...

g) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 01 gam đến dưới 20 gam.”

[3]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng. Bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi và năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi của bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý và sử dụng các chất ma túy, reo rắc tệ nạn cho xã hội, là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy cần phải được xử lý bằng pháp luật hình sự, buộc bị cáo cách ly xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo đồng thời răn đe, phòng chống tội phạm chung.

[4]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, có thái độ thành khẩn, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, bị cáo đã có công lớn cứu anh Nông Văn T2, sinh năm 1988, trú tại: Xóm L, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên khỏi đuối nước tại địa phận xã T, huyện Đ vào tháng 8 năm 2022, được anh T2 và Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xác nhận. Bị cáo được Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố T chứng nhận “Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào vận động quỹ chung tay vì người nghèo”. Bố đẻ của bị cáo là ông Nguyễn Việt H là hội viên của Hội C2 được Ban chấp hành hội cựu chiến binh tỉnh Thái Nguyên tặng T3 chữ vàng danh dự, trong quá trình công tác tại Công ty G2 đã được tặng thưởng Kỷ niệm chương vì sự phát triển công nghiệp Việt Nam, nhiều năm đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở, được Ban chấp hành công đoàn giấy và bột giấy Việt Nam tặng Bằng khen đã có nhiều thành tích trong phong trào công nhân viên chức và hoạt động công đoàn. Do vậy, bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo phạm hai tội, cần áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội.

Bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[5]. Vật chứng vụ án:

- Mẫu ma túy hoàn lại sau giám định, vỏ bao gói mẫu ban đầu, 01 thẻ nhựa màu xanh đựng trong các bì niêm phong ký hiệu B, C, G1, G2 không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 ống hút được cuốn bằng tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng đựng trong bì niêm phong ký hiệu A, đây là vật bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 điện thoại di động N1 màu đen, 01 điện thoại di động Iphone màu trắng thu giữ của bị cáo, qua điều tra và tại phiên tòa xác định bị cáo sử dụng điện thoại này để liên lạc mua bán, nhận ma túy; 01 loa màu đen; 01 đèn màu đen dùng để tạo kích thích, tăng hưng phấn trong quá trình sử dụng ma túy nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[7]. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[8]. Về nguồn gốc số ma túy kẹo mà Nguyễn Đăng G mua về cho Trần Thị Vân A, Trần Duy B, Dương Văn C và Lê Thị Tuyết T cùng sử dụng và số ma túy Ketamine bị thu giữ, Nguyễn Đăng G khai mua của một người đàn ông tên T1 và được một nam thanh niên (không rõ lai lịch, địa chỉ) mang đến chỗ ở của G tại tổ I, phường T, thành phố T vào ngày 14/6/2023. Quá trình điều tra không xác định nhân thân lai lịch của những người này nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T không có căn cứ để xử lý.

Đối với Trần Thị Vân A, Trần Duy B, Dương Văn C và Lê Thị Tuyết T có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy cùng với Nguyễn Đăng G ngày 14/6/2023 tại tổ I, phường T, TP T. Quá trình điều tra xác định Vân A, B, C, T không bàn bạc, không đóng góp gì vào việc mua ma túy, không có hành vi đưa ma túy cho người khác sử dụng. Ngày 16/8/2023, Công an thành phố T đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Trần Thị Vân A, Trần Duy B, Dương Văn C và Lê Thị Tuyết T về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” là có căn cứ.

Đối với anh Đinh Đức H1 (sinh năm 1993, HKTT: tổ E, phường G, thành phố T) là người cho Nguyễn Đăng G thuê ngôi nhà trên. Quá trình điều tra xác định anh H1 không biết việc G cùng các đối tượng khác sử dụng trái phép chất ma túy tại ngôi nhà trên vào ngày 14/6/2023 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T không xử lý là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 326 Bộ luật tố tụng Hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đăng G phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 07 (bảy) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, 01 (một) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/6/2023.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng Hình sự, quyết định tạm giam bị cáo 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. Vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 bì niêm phong ký hiệu B bên trong có 02 túi nilon màu trắng hoàn lại sau giám định và vỏ bao gói niêm phong ký hiệu B.

+ 01 bì niêm phong ký hiệu C bên trong có 01 thẻ nhựa màu xanh hoàn lại sau giám định và vỏ bao gói niêm phong ký hiệu C.

+ 01 bì niêm phong ký hiệu G1 bên trong có 1,068gam mẫu sau giám định và vỏ bao gói niêm phong ký hiệu G1.

+ 01 bì niêm phong ký hiệu G2 bên trong chứa bì niêm phong ban đầu.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

+ 01 bì niêm phong ký hiệu A bên trong có 01 tờ tiền mệnh giá 10.000đồng hoàn lại sau giám định và vỏ bao gói niêm phong ký hiệu A.

+ 01 loa màu đen, đã qua sử dụng.

+ 01 đèn màu đen, đã qua sử dụng.

+ 01 bì niêm phong ký hiệu Đ1 bên trong có 01 điện thoại di động Nokia màu đen, số I: 351949052955153, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

+ 01 bì niêm phong ký hiệu Đ bên trong có 01 điện thoại di động Iphone màu trắng, số I: 355375085937859, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng số 27 ngày 15/11/2023 giữa Công an thành phố T với Chi cục THADS thành phố T).

3. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng Hình sự: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN; Sở tư pháp;
- VKSND tỉnh TN; VKSND TPTN;
- Công an TPTN;
- Chi cục THADS TPTN;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thúy Quỳnh